TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tân, bà Nguyễn Thị Bích Thảo.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Đỗ Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 788/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đoàn Hùng T**, sinh năm 1973.

Đăng ký hộ khẩu tH trú và trú tại số 38/207 Q, phường B, thành phố H1, tỉnh Hải Dương (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1974.

Đăng ký hộ khẩu tH trú và trú tại số 91 T2, phường Q, thành phố H1, tỉnh Hải Dương (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Hùng T và chị Vũ Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/7/2001. Trước thời điểm đăng ký kết hôn, anh T và chị H đã được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, chung sống cùng nhau từ năm 1994. Vợ chồng chung sống với nhau không nhiều thời gian do anh T, chị H chủ yếu phải đi chấp hành án tại các trại giam. Sau khi anh T, chị H trở về địa phương đến nay, mỗi người ở một nơi,

không quan tâm đến nhau, đã ly thân nhiều năm. Do đó, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H để sớm ổn định cuộc sống. Ngoài ra, anh T xác định khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cả anh và chị H đã khai thông tin về ngày tháng năm sinh chưa chính xác mà thực tế ngày tháng năm sinh của anh T là 28/02/1973 và chị H là 26/7/1974.

Về con chung: Anh T, chị H có 01 con chung là Đoàn Thu T1 - sinh ngày 08/9/2001 đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là chị Vũ Thị H nhưng chị H đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm của chị về nội dung liên quan đến vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai của bà Vũ Thị L trình bày: Bà là mẹ của chị Vũ Thị H. Chị H chuyển về sinh sống với bà từ đầu năm 2018 đến nay. Bà không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T.

Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn T - Phó khu dân cư số 5 pH Quang Trung, thành phố Hải Dương cung cấp: Chị Vũ Thị H chuyển về sinh sống với mẹ đẻ là bà Vũ Thị L ở khu dân cư số 5 phường Quang Trung, thành phố Hải Dương từ đầu năm 2018 đến nay. Chị H và anh T không chung sống cùng nhau tại đây. Ngoài ra, khu dân cư không nhận được phản ánh nào về mâu thuẫn của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Cho anh Đoàn Hùng T được ly hôn chị Vũ Thị H. Về con chung: Anh Đoàn Hùng T và chị Vũ Thị H có 01 con chung là Đoàn Thu T1 - sinh ngày 08/9/2001 đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Hùng T khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị H, hiện bị đơn đang cư trú tại phường Quang Trung, thành phố Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T vắng mặt đã có đề nghị xét xử vắng mặt, chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 7 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân pH Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh T và chị H phải chấp hành tại các trại giam nên thời gian vợ chồng chung sống bị gián đoạn nhiều năm. Đến nay, anh T và chị H đã ly thân mỗi người ở một nơi. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không đến Tòa án làm việc cũng không có ý kiến, nguyện vọng xin hòa giải đoàn tụ với anh T. Xét thấy, mục đích của cuộc hôn nhân giữa anh T, chị H không đạt được, đã không còn chung sống cùng nhau nên anh T xin ly hôn chị H là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung Đoàn Thu T1 - sinh ngày 08/9/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Anh T xác định giữa anh chị không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp cho hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Anh Đoàn Hùng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Đoàn Hùng T được ly hôn với chị Vũ Thị H.

2. Về án phí: Anh Đoàn Hùng T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001012 ngày 27/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự (anh T, chị H) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Dương;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- UBND pH Bình Hàn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Diệu Linh